TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN DU** **TỈNH BẮC NINH** **-------** Bản án số: 13/2025/ST- HNGĐ Ngày: 17/03/2025 V/v: Tranh chấp về HNGĐ giữa Bà N và ông T	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **----------**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tấn.

Bà Đào Thị Thu.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lụa- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Giang- Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 93/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/02/2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964. Có mặt.

* Bị đơn: Ông Hà Sỹ T, sinh năm 1959. Xin xét xử vắng mặt.

Cùng đăng ký HKTT tại: Thôn T, xã T, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông Hà Sỹ T kết hôn vào ngày 31/12/1982. Trước khi cưới bà và ông T có được tìm hiểu tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc (nay là UBND xã T, huyên Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh).

Quá trình chung sống: Sau khi kết hôn, bà về chung sống với ông T cùng gia đình ông T được 5 năm thì vợ chồng bà ra ở riêng. Năm 1999 vợ chồng bà làm nhà 2 tầng trên đất của bố mẹ đẻ ông T cho ông T. Năm 2003, bà đi lao động tại Đài Đoan. Năm 2005, bà về nước thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà phát hiện ông T có quan hệ với người phụ nữ khác. Lúc đó ông T có viết cam kết không tái phạm nên vợ chồng vẫn tiếp tục chung sống với nhau. Sau đó, vợ chồng bà có làm trang trại VAC thì ông T bắt đầu tách kinh tế, ruộng, đất giãn dân ông T bán và cầm tiền, không quan tâm đến gia đình, con cái để mặc cho bà lo. Ông T cũng không quan tâm gì đến gia đình nhà vợ.

Bà đã nhiều lần có ý định xin ly hôn ông T nhưng vì con cái nên bà vẫn cố gắng cam chịu. Tuy nhiên càng chung sống với nhau thì cuộc sống vợ chồng bà càng căng thẳng, mệt mỏi. Bà và ông T thường xuyên cãi nhau, có lần ông T còn cầm dao tìm giết bà khiến bà vô cùng lo sợ. Gia đình 2 bên cũng biết mâu thuẫn của vợ chồng bà nhưng không hòa giải được cho vợ chồng bà. Vợ chồng bà ly thân từ năm 2007, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, việc của ai người đó làm, không ai quan tâm đến ai. Thời gian vợ chồng ly thân, ông T cũng không có biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Bà xác định không thể tiếp tục chung sống với ông T nữa và yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Tại phiên tòa, bà giữ nguyên quan điểm xin ly hôn ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hà Thị Kim Th, sinh năm 1988; Hà Thúy L, sinh năm 1991; Hà Ngọc Đ, sinh năm 1995. Hiện các con chung đều đã trưởng thành, tự lập cuộc sống nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tại đơn xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án chia cho bà được sử dụng các xứ đồng gồm: Xứ Đồng Luật, diện tích 168m^2; Xứ Đồng Bờ Hoa Trên (%), diện tích 216m^2; Xứ Đồng Xóm Giang, diện tích 134m^2; Xứ Đồng Đông Phan, diện tích giao 515m^2.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà tự nguyện xin rút toàn bộ yêu cầu chia ruộng của hộ gia đình bà. Bà xin tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng bà. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng bà.

Về công nợ, trích chia công sức: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Căn cứ vào biên bản ghi lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là ông Hà Sỹ T có trình bà*y:

Ông xác nhận một phần lời khai của bà N về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Theo ông T, quá trình chung sống vợ chồng ông bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2005. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa ông với gia đình nhà bà N có mâu thuẫn với nhau. Không những thế, bà N cũng không quan tâm đến công việc gia đình để một mình ông phải lo. Từ năm 2005 cho đến nay, ông đã cắt đứt mọi quan hệ với gia đình nhà bà N, vợ chồng chi tiêu riêng, công việc của ai người đó làm,

vợ chồng lạnh nhạt tình cảm. Trước đó, bà N đã có lần gửi đơn xin ly hôn với ông. Nay bà N làm đơn xin ly hôn với ông thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hà Thị Kim Th, sinh năm 1988; Hà Thúy L, sinh năm 1991; Hà Ngọc Đ, sinh năm 1995. Hiện các con chung đều đã trưởng thành, tự lập cuộc sống nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn vắng mặt tại Toà án chưa chấp hành đúng, đầy đủ pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 217 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N, xử cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Hà Sỹ T.

Về con chung: Không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn.

Về công nợ, trích chia công sức: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà N là người cao tuổi, có đơn nên được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; HĐXX nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Bà Nguyễn Thị N làm đơn xin ly hôn ông Hà Sỹ T nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn là ông T đang cư trú trên địa bàn huyện Tiên Du nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tiên Du đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông T hợp lệ. Ngày 17/3/2025, Tòa án mở phiên tòa xét xử, ông T vắng mặt và xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị N kết hôn với ông Hà Sỹ T vào ngày 31/12/1982 trên cơ sở được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc (nay là UBND xã T, huyên Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh). Khi kết hôn ông bà đủ điều kiện và tuân thủ đúng quy định pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Hà Sỹ T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà N cho rằng vợ chồng sống hoà thuận đến năm năm 2005 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà phát hiện ông T có quan hệ với người phụ nữ khác. Ông T tách kinh tế, không quan tâm đến gia đình, con cái để mặc cho bà lo. Ông T cũng không quan tâm gì đến gia đình nhà vợ. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2007 cho đến nay, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Bà nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông T được vì không còn tình cảm, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông T.

Phía ông T cho rằng quá trình chung sống vợ chồng ông bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2005. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa ông với gia đình nhà bà N có mâu thuẫn với nhau. Không những thế, bà N cũng không quan tâm đến công việc gia đình để một mình ông phải lo. Từ năm 2005 cho đến nay, ông đã cắt đứt mọi quan hệ với gia đình nhà bà N, vợ chồng chi tiêu riêng, công việc của ai người đó làm, vợ chồng lạnh nhạt tình cảm. Trước đó, bà N đã có lần gửi đơn xin ly hôn với ông. Nay bà N làm đơn xin ly hôn với ông thì ông đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống vợ chồng của bà N và ông T không đạt được mục đích của cuộc hôn nhân tiến bộ, bình đẳng, hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Bản thân ông T cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng và đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy đến nay mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài được, hôn nhân chỉ tồn tại trên hình thức. Bà N làm đơn xin ly hôn ông T là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà N.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hà Thị Kim Th, sinh năm 1988; Hà Thúy L, sinh năm 1991; Hà Ngọc Đ, sinh năm 1995. Hiện các con chung đều đã trưởng thành, tự lập cuộc sống, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Tại đơn xin ly hôn, bà N có yêu cầu đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng, cho bà N được sử dụng các xứ đồng gồm: Xứ Đồng Luật, diện tích 168m^2; Xứ Đồng Bờ Hoa Trên (%), diện tích 216m^2; Xứ

Đồng Xóm Giang, diện tích 134m^2; Xứ Đồng Đông Phan, diện tích giao 515m^2. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà N tự nguyện xin rút toàn bộ yêu cầu chia ruộng của hộ gia đình bà. Bà xin tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng bà. Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Về công nợ, trích chia công sức: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà N là người cao tuổi nên miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho bà N.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 227, 228, 235, 262, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N. Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Hà Sỹ T.

Về con chung: Không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà N.

Về công nợ, trích chia công sức: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi nên miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị N.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Văn Tấn **Đào Thị Thu** **Nguyễn Tiến Hưng**

Nơi nhận:
- *UBND xã Tân Chi;*
- *VKS huyện Tiên Du;*
- *THA DS huyện Tiên Du;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Tiến Hưng